

Giải pháp nâng cao văn hóa học đường của sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang

Lê Đặng Hồng Phúc*, Nguyễn Thị Huỳnh Giao*

*Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác Sinh viên, Trường CĐSP Kiên Giang

Received: 13/9/2024; Accepted: 20/9/2024; Published: 27/9/2024

Abstract: School culture is an important part of workplace culture within educational institutions. Based on the research of the current state of school culture among students at Kien Giang Teacher Training College, this article proposes several solutions to enhance the school culture for students, contributing to the promotion of comprehensive educational reform across the sector.

Keywords: School culture, staff, students, Kien Giang Teacher Training College.

1. Đặt vấn đề

Theo tác giả Phạm Minh Hạc, “Văn hoá học đường là văn hoá trong các trường học, nó là một bộ phận cấu thành của hệ thống giáo dục quốc dân và mang bản sắc chung của nền văn hoá dân tộc. Cụ thể hơn, văn hoá học đường là hệ thống các chuẩn mực, giá trị giúp các cán bộ quản lý nhà trường, các thầy giáo, cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh, sinh viên (SV) có cách thức suy nghĩ, tình cảm và hành động tốt đẹp”.

Văn hóa nói chung và văn hóa học đường (VHHĐ) nói riêng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nhân cách người học, là nhân tố quan trọng góp phần thực hiện sứ mạng, mục tiêu đào tạo và chất lượng giáo dục của nhà trường; góp phần xây dựng và giáo dục môi trường học tập, rèn luyện, giao tiếp lành mạnh, văn minh.

Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Trường CĐSP Kiên Giang luôn thực hiện tốt chức năng là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên mầm non đáp ứng nhu cầu của địa phương và các nhiệm vụ chính trị do Đảng, Nhà nước giao. Bên cạnh thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thì việc thực hiện VHHĐ trong những năm qua rất được lãnh đạo nhà trường quan tâm. Việc thực hiện tốt các quy định về VHHĐ sẽ tạo ra môi trường sư phạm trong sáng, mẫu mực góp phần thực hiện tốt các quy chế, chuẩn mực trong môi trường văn hóa công sở. Tuy nhiên, việc thực hiện VHHĐ trong môi trường giáo dục của nhà trường hiện nay chưa thực sự đồng bộ, sự tác động của VHHĐ đến người học chưa thật sự sâu sắc. Bài viết chỉ tiếp cận việc nhận thức về thực hiện các quy định VHHĐ của SV ngành Giáo dục Mầm non của nhà trường và giúp các nhà quản lý giáo dục, các nhà giáo dục đánh giá khách quan về VHHĐ, bên cạnh đó đề xuất một số biện pháp nâng

cao chất lượng giáo dục VHHĐ cho SV nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng nhận thức của SV khoa Giáo dục Mầm non về việc thực hiện các quy định VHHĐ

Để đánh giá thực trạng nhận thức của SV khoa Giáo dục Mầm non về việc thực hiện các quy định VHHĐ, chúng tôi tiến hành khảo sát 141 SV của nhà trường. Bằng cách đưa ra 10 tiêu chí về VHHĐ để SV nhận diện. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Nhận thức của SV về tiêu chí của VHHĐ

| Tiêu chí | Tổng số | |
|---|---------|----|
| | % | TB |
| 1. Việc chấp hành trang phục lịch sự, gọn gàng, phù hợp, đeo thẻ khi đến lớp | 91,5 | 8 |
| 2. Việc giao tiếp với mọi người lịch sự, nhã nhặn, không nói tục, chửi thề | 95 | 4 |
| 3. Giữ gìn mối quan hệ bạn bè trong sáng, lành mạnh, phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc | 93,6 | 5 |
| 4. Cư xử lễ phép, tôn trọng thầy cô, viên chức, người lao động trong nhà trường | 99,2 | 1 |
| 5. Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghỉ học có xin phép | 90,8 | 9 |
| 6. Nghiêm túc, không mất trật tự, không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học | 80,9 | 10 |
| Câu 7. Nghiêm túc thực hiện các quy chế trong thi cử, không gian lận trong thi cử, kiểm tra | 92,9 | 6 |
| Câu 8. Có ý thức bảo vệ tài sản của nhà trường: tiết kiệm điện, bảo quản phòng học, phòng ở,... | 98,6 | 2 |
| Câu 9. Không sử dụng các chất kích thích, rượu bia, không hút thuốc lá, tàng trữ các vũ khí cấm,... | 97,9 | 3 |
| Câu 10. Đậu xe đúng nơi quy định, chấp hành quy định an ninh trật tự của nhà trường | 92,2 | 7 |

Kết quả khảo sát trên cho thấy, đa số SV đã nhận thức đúng các tiêu chí, nội dung của VHHĐ, đặc biệt

là các nội dung liên quan đến quy định về trang phục, giao tiếp ứng xử, nề nếp học tập:

- Tiêu chí 4. Cư xử lễ phép, tôn trọng thầy cô, viên chức, người lao động trong nhà trường: có 99,2% nhận thức đúng, xếp thứ 1;

- Tiêu chí 8. Có ý thức bảo vệ tài sản của nhà trường: tiết kiệm điện, bảo quản phòng học, phòng ở,..., có 98,6% nhận thức đúng, xếp thứ 2;

- Tiêu chí 9. Không sử dụng các chất kích thích, rượu bia, không hút thuốc lá, tàng trữ các vũ khí cấm,...có 97,9% nhận thức đúng, xếp thứ 3;

- Tiêu chí 2. Việc giao tiếp với mọi người lịch sự, nhã nhặn, không nói tục, chửi thề, có 95% nhận thức đúng, xếp thứ 4;

- Tiêu chí 3. Giữ gìn mối quan hệ bạn bè trong sáng, lành mạnh, phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc có 93,6% nhận thức đúng, xếp thứ 5;

- Tiêu chí 7. Nghiêm túc thực hiện các quy chế trong thi cử, không gian lận trong thi cử, kiểm tra có 92,9% nhận thức đúng, xếp thứ 6;

- Tiêu chí 10. Đâu xe đúng nơi quy định, chấp hành quy định an ninh trật tự của nhà trường có 92,2% nhận thức đúng, xếp thứ 7;

- Tiêu chí 1. Việc chấp hành trang phục lịch sự, gọn gàng, phù hợp, đeo thẻ khi đến lớp có 91,5% nhận thức đúng, xếp thứ 8;

- Tiêu chí 5. Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghỉ học có xin phép có 90,8% nhận thức đúng, xếp thứ 9;

- Tiêu chí 6. Nghiêm túc, không mất trật tự, không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học có 80,9% nhận thức đúng, xếp thứ 10.

Kết quả trên cho thấy, SV nhà trường đã có sự nhận thức đúng đắn các quy định về VHHD của nhà trường. Những nội dung được phần lớn SV nhận thức đúng là do kết quả, kinh nghiệm trong quá trình học tập, rèn luyện có được. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận nhỏ SV chưa nhận thức đúng và đầy đủ về nội dung của VHHD.

2.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục VHHD

Kết quả khảo sát thực trạng VHHD của SV khoa Giáo dục Mầm non cho thấy: đa số SV đã có nhận thức đúng về nội dung và thực hiện tốt các quy định về VHHD. Kết quả đó thể hiện trong suốt quá trình học tập và rèn luyện. Tuy nhiên, còn một số nội dung chưa được SV nhận thức và thực hiện tốt, không ít SV còn vi phạm quy định VHHD của nhà trường như: chưa chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp; nói chuyện và làm việc riêng trong giờ học; chưa thật sự nghiêm túc trong các kì thi; không đeo thẻ; trang phục đôi lúc chưa phù hợp,...

Từ thực trạng trên, để xây dựng một môi trường VHHD lành mạnh, trong sáng cho SV trong các trường đại học, cao đẳng nói chung và Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang nói riêng cần xây dựng và thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, xây dựng môi trường học đường có văn hóa, lành mạnh. Nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến việc tuyên truyền cho viên chức, giảng viên và SV thực hiện tốt các quy định VHHD, gắn với việc thực hiện các phong trào thi đua trong toàn trường.

VHHD chính là “văn hoá giao tiếp”, “văn hoá ứng xử”, chính vì thế, mỗi giảng viên phải là tấm gương sáng trong việc xây dựng và thực hiện nét đẹp VHHD trong trường học cho SV noi theo trong từng hành động, cử chỉ, ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày; xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, đúng mực giữa thầy và trò; lồng ghép công tác giáo dục thực hiện VHHD cho SV vào các tiết sinh hoạt lớp một cách hợp lý;...

Hai là, tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị, đoàn thể trong nhà trường đặc biệt là tăng cường xây dựng kỷ cương, nề nếp trong học tập, sinh hoạt của đoàn viên, SV

Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác SV cần thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi về VHHD, thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao VHHD trong SV; phối hợp với khoa Giáo dục Mầm non thường xuyên giám sát, kiểm tra, nắm bắt thông tin về việc thực hiện VHHD của SV; đề nghị với nhà trường xử lý cá nhân SV không thực hiện tốt về VHHD; định kỳ hàng năm tổ chức tổng kết việc thực hiện VHHD của SV; kịp thời khen thưởng những tập thể và cá nhân thực hiện tốt VHHD. Bên cạnh đó, các đơn vị cần phải phối hợp trong việc đề xuất cải tiến cách đánh giá điểm rèn luyện của SV, trong đó tăng dần điểm số các tiêu chí về VHHD.

Đoàn Thanh niên, Hội SV trường cần chú trọng hơn công tác tổ chức xây dựng và thực hiện VHHD lồng ghép vào các hoạt động, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phong trào SV 5 tốt,... Đồng thời, tích cực tuyên truyền VHHD trên website, diễn đàn SV...

Bên cạnh đó, Đoàn Thanh niên, Hội SV tiếp tục đổi mới các hoạt động phong trào mang tính định hướng, giáo dục để thu hút SV tham gia các hoạt động lành mạnh, tránh xa tệ nạn xã hội như: Ngày Thứ bảy tình nguyện, Ngày chủ nhật xanh, Hiến máu nhân đạo,... Tổ chức các diễn đàn, hội nghị SV trao đổi về nếp sống văn hoá, những chuẩn mực trong tác phong sư phạm, phát động các phong trào thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, cam kết thực hiện nếp sống

văn minh học đường. Tổ chức phát động các phong trào thi đua thực hiện tốt VHHD trong đoàn viên, thanh niên và kịp thời tuyên dương những gương sáng điển hình đồng thời có biện pháp xử lý nghiêm, giáo dục tư tưởng đối với những SV vi phạm.

Ba là, tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục VHHD cho SV

Đối với SV, giáo dục nhà trường là sự tiếp nối của giáo dục gia đình. Thông qua đó, giáo dục có bài bản, hệ thống được chọn lọc và đạt chuẩn mực, phù hợp với yêu cầu của xã hội. Giáo dục xã hội cũng là sự tiếp tục của giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường. Từ đó sẽ củng cố, làm phong phú thêm những điều đã được tiếp thu tại gia đình và nhà trường. Một môi trường VHHD được tạo dựng từ sự kết hợp giữa gia đình - nhà trường và xã hội sẽ loại trừ được những biểu hiện văn hoá không lành mạnh nảy sinh, góp phần xây dựng môi trường VHHD ngày càng hoàn thiện, trong sáng.

3. Kết luận

Giáo dục VHHD trong nhà trường là vô cùng cần thiết trong bối cảnh hiện nay. VHHD lành mạnh sẽ là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường, tạo điều kiện khuyến khích SV

phát triển toàn diện, lành mạnh, tự hình thành cho bản thân lẽ sống, lý tưởng đúng đắn. Qua đó, SV sẽ có bản lĩnh tự làm chủ bản thân, lĩnh hội được những văn hóa tiên tiến để trở thành những công dân tốt, phục vụ cho sự phát triển của nhà trường, địa phương và đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc (2002), *Xây dựng văn hoá học đường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

2. Phạm Minh Hạc (2009), *Văn hóa học đường: Khái niệm và việc xây dựng thông qua giáo dục giá trị*, Tạp chí Nghiên cứu con người, Số 2.

3. Trần Thị Tùng Lâm (2017), *Hiệu quả giáo dục văn hóa học đường cho SV các trường đại học ở Hà Nội hiện nay – Qua khảo sát một số trường đào tạo các ngành Kỹ thuật*, luận án tiến sỹ Chính trị học.

4. Trần Cao Nguyên (2011), “*Nâng cao văn hóa học đường cho SV sư phạm các trường Đại học, Cao đẳng ở Nghệ An hiện nay*”, Tạp chí Giáo dục, Số 258 tháng 3.

5. Võ Văn Sơn (2013), *Thực trạng và giải pháp nâng cao văn hóa học đường cho SV trường Đại học Tiền Giang*, Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn, số 11 tháng 12.

Approaches to Enriching English..... (tiếp theo trang 146)

6. Conclusion

Enhancing English vocabulary is imperative for students to achieve their academic and professional goals. By addressing the challenges students face and implementing effective strategies such as contextual learning, technology integration, collaborative approaches, extensive reading, and regular assessment, educators can create a rich learning environment that promotes vocabulary acquisition. Ultimately, these strategies not only improve vocabulary knowledge but also empower students with the confidence to use the English language effectively in various contexts.

References

Nation, I.S.P. (2001). *Learning Vocabulary in Another Language*. Cambridge University Press.

Schmitt, N. (2000). *Vocabulary in Language Teaching*. Cambridge University Press.

Webb, S. (2008). “The Effects of Repeated Exposure to Vocabulary on Vocabulary Knowledge.” *Language Learning*, 58(2), 517-556.

Hiebert, E.H., & Kamil, M.L. (2005). *Teaching*

and Learning Vocabulary: Bringing Research to Practice. Lawrence Erlbaum Associates.

Gamache, P. (2017). “The Impact of Technology on Vocabulary Learning.” *International Journal of Educational Technology*, 12(3), 45-56.

Laufer, B., & Goldstein, A. (2004). “Testing Vocabulary Knowledge: Size and Depth.” *The Canadian Modern Language Review*, 60(2), 187-206.

Tsvetkov, A., & Pashchenko, O. (2020). “Collaborative Learning as a Tool for Vocabulary Acquisition.” *Language Education in Asia*, 11(1), 29-45.

Harmer, J. (2007). *The Practice of English Language Teaching*. Pearson Education.

This comprehensive article serves as a robust guide for educators seeking to enhance vocabulary acquisition among students in the English Language program. By implementing these strategies, educators can foster a more engaging and effective language learning environment.